

Số: 06/2019/SHA

V/v: Công bố báo cáo tài chính hợp
nhất Quý 4/2018.

TP.HCM, ngày 29 tháng 01 năm 2019

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh

Tên công ty: Công Ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn

Mã chứng khoán : SHA

Địa chỉ trụ sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.
Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Người thực hiện công bố thông tin: Ngô Thị Thanh Lan

Địa chỉ trụ sở chính: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP.
Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: (84-08) 37100101

Fax: (84-08) 62511989

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

- Công ty Cổ Phần Sơn Hà Sài Gòn công bố Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4.2018 gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tình chính .
- Giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận sau thuế Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4/2018.

Thông tin này được chúng tôi công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 29/01/2019 tại đường dẫn <http://sonhasg.com.vn> .

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT

NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

(Chữ ký, họ tên, đóng dấu)



NGÔ THỊ THANH LAN

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số	
				cuối kỳ	đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		543,068,184,077	488,148,690,480
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	29,820,960,935	38,242,168,257
1.	Tiền	111		29,820,960,935	38,242,168,257
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		217,403,806,314	162,683,843,612
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	212,901,227,352	151,176,270,852
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3,950,281,910	10,968,970,313
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.3	-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	2,258,463,801	2,294,747,196
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(1,711,106,750)	(1,761,084,750)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		4,940,001	4,940,001
IV. Hàng tồn kho		140		289,112,878,579	274,062,977,047
1.	Hàng tồn kho	141	V.6	289,112,878,579	274,062,977,047
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		6,730,538,249	13,159,701,564
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	1,005,869,266	2,274,126,892
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5,544,391,389	10,818,382,153
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		180,277,594	67,192,519
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		192,370,796,178	189,045,055,761
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		173,460,684	657,435,043
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	173,460,684	657,435,043
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		143,734,035,867	134,272,740,097
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	97,017,268,495	80,350,837,970
<i>Nguyên giá</i>	222		151,415,899,961	119,357,583,684
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(54,398,631,466)	(39,006,745,714)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	-	9,422,542,688
<i>Nguyên giá</i>	225		-	13,796,893,307
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	(4,374,350,619)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	46,716,767,372	44,499,359,439
<i>Nguyên giá</i>	228		54,580,807,444	51,132,457,444
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(7,864,040,072)	(6,633,098,005)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		45,701,548,246	48,538,638,134
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	45,701,548,246	48,538,638,134
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2,761,751,381	5,576,242,487
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	2,758,580,791	5,560,025,393
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.16	3,170,590	16,217,094
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		735,438,980,255	677,193,746,241

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		384,201,606,908	333,759,909,120
I. Nợ ngắn hạn	310		362,337,183,141	321,823,418,146
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	28,446,957,992	43,400,158,838
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1,413,010,405	1,844,564,108
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	2,010,180,130	1,737,399,455
4. Phải trả người lao động	314		5,846,294,915	5,995,106,987
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	2,447,392,423	4,269,081,448
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	210,954,363	421,328,990
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	320,598,959,726	263,147,624,033
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	1,363,433,187	1,008,154,287
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		21,864,423,767	11,936,490,974
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	284,638,000	263,238,000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	21,579,785,767	11,673,252,974
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		351,237,373,347	343,433,837,121
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19.a	351,237,373,347	343,433,837,121
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		275,792,000,000	275,792,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	V.19.b	275,792,000,000	275,792,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(250,000,000)	(250,000,000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8,175,955,129	6,044,281,728
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		67,519,418,218	61,847,555,393
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		31,505,403,091	27,526,601,351
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		36,014,015,126	34,320,954,042
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		735,438,980,255	677,193,746,241

Người lập biểu

Trần Thị Thu Hạnh

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thanh Lan

Lập ngày 25 tháng 01 năm 2019



Lê Hoàng Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND			
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Năm trước		
			Quý này năm nay	Quý này năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	248,555,517,229	272,867,675,946	818,355,830,125	914,362,990,312
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	6,133,452,449	6,824,762,425	19,669,699,992	27,573,441,981
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		242,422,064,780	266,042,913,521	798,686,130,133	886,789,548,331
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	203,833,011,696	227,590,680,830	662,192,611,969	757,326,513,731
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		38,589,053,084	38,452,232,691	136,493,518,164	129,463,034,600
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	826,916,702	2,028,283,305	3,674,763,389	2,993,365,227
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6,038,650,775	6,096,977,677	21,236,825,300	20,557,106,040
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5,868,594,941	5,945,401,310	20,128,704,827	19,316,715,837
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	15,161,535,923	14,806,007,381	57,651,550,730	53,216,116,964
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5,417,441,040	6,092,321,418	22,004,943,662	20,814,675,708
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12,798,342,048	13,485,209,520	39,274,961,861	37,868,501,115
11. Thu nhập khác	31	VI.7	545,552,796	323,588,954	2,857,451,952	1,278,746,057
12. Chi phí khác	32	VI.8	158,014,895	90,725,429	1,520,462,447	653,223,625
13. Lợi nhuận khác	40		387,537,901	232,863,525	1,336,989,505	625,522,432
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13,185,879,949	13,718,073,045	40,611,951,366	38,494,023,547
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		1,568,066,897	1,201,280,322	4,584,889,736	2,953,102,345
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		9,631,591	(3,135,364)	13,046,504	13,031,189

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.608.181,461	12.519.928,087	36.014.015,126	35.527.890,013
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	11.608.181,461	12.519.928,087	36.014.015,126	35.527.890,013
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát				
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	421	454	1.306	1.707
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	421	454	1.306	1.707

Người lập biểu

Trần Thị Thu Hạnh

Kế toán trưởng

Ngô Thị Thanh Lan

Lập ngày 25 tháng 01 năm 2019

CÔNG TY CỔ PHẦN

SƠN HÀ

SÀI GÒN

C.P * HƯỚNG

H. HO C M. TP. H. CH. M. N.

Lê Hoàng Hà

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	40,611,951,366	38,494,023,547
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	13,353,872,348	12,452,839,437
- Các khoản dự phòng	03	(49,978,000)	(664,416,609)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	837,822,404	(974,542,972)
- Chi phí lãi vay	06	20,129,267,625	19,316,715,837
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	74,882,935,743	68,624,619,240
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(16,692,052,869)	74,492,905,771
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(15,114,278,308)	(161,778,353,713)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(87,938,424,488)	(61,131,380,258)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	676,074,178	(2,108,304,974)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(20,138,669,830)	(14,463,370,412)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4,219,326,730)	(2,597,050,355)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	205,947,471	143,351,534
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(271,123,300)	(6,112,999,945)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(68,608,918,133)	(104,930,583,112)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(7,330,183,385)	(35,122,137,707)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	51,981,441	220,759,642
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(7,278,201,944)	(34,901,378,065)

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

I. Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ Phần

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn- Khu Công nghiệp Tân Bình Mã số CN: 0307526635-002	Lô III-3A đường số 1, khu công nghiệp Tân Bình, phường Tây Thạnh, quận Tân phú, TP.Hồ Chí Minh.
- Chi nhánh Lâm Đồng - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-003	1024 quốc lộ 20, thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam.
- Chi nhánh Bình Dương - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-005	Đại lộ Bình Dương, phường Định Hòa, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
- Chi nhánh Đắk Nông - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-008	Thửa số 251, tờ bản đồ số 03, tổ 4, Phường Nghĩa Phú, Thị xã Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông, Việt Nam.
- Chi nhánh Cần Thơ - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-009	81 Quốc lộ 1A, Tổ 61, Khu phố 11, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.
- Chi nhánh Bà Rịa - Vũng Tàu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn Mã số chi nhánh: 0307526635-0010	1798 Võ Nguyên Giáp, Phường 12, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.
- Chi nhánh Kiên Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0011	Số 477, ấp Minh Phong, Xã Bình An, Huyện Châu Thành, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.
- Chi nhánh Long Khánh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0012	Số 81, Quốc lộ 1A , ấp Cẩm Tân, Xã Xuân Tân, Thị xã Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai
- Chi nhánh Khánh Hòa – Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-007	50 Quốc lộ 1A, Thôn Cư Thạnh, Xã Suối Hiệp, Huyện Diên Khánh, Tỉnh Khánh Hòa, VN
- Chi nhánh Đắk Lắk - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0013	Số 7B, Quốc lộ 14, buôn Cour Đăng A, Xã Cuor Đăng, Huyện Cư M'gar, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam.
- Chi nhánh Bình Phước - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0014	DT.741, ấp 1, xã Tiến Hưng, Thị xã Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.
- Chi nhánh An Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0015	572 Quốc lộ 91, Ấp Bình Phú 2, Xã Bình Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh An Giang
- Chi nhánh Tiền Giang - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0016	Số 5/4 Quốc lộ 50, Ấp Mỹ Lợi, Xã Mỹ Phong, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang.

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chi nhánh Biên Hòa - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0017	Số 9-11, Lô A10, GĐCB- QĐ4, Phường Tân Phong, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
- Chi nhánh Bình Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0018	Km số 6, Thôn Phú Khánh, Xã Hàm Mỹ, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận.
- Chi nhánh Buôn Mê Thuật - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số CN: 0307526635-0020	18 Thôn 13, Xã Hòa Khánh, TP. Buôn Ma Thuật, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Eakar - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0019	Km 56, QL 26, Buôn Tân Sinh, xã Ea Đar, Huyện Eakar, Tỉnh Đắk Lắk.
- Chi nhánh Bình Long - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0021	Quốc lộ 13, Tổ 10, Ấp Phú Long, Xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long, Tỉnh Bình Phước.
- Chi nhánh Bến Tre - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0023	93 Đ, Ấp Bình Thành, xã Bình Phú, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.
- Chi nhánh Tây Ninh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0025	Tổ 17A, Ấp Hiệp Trường, Xã Hiệp Tân, Huyện Hòa Thành, Tỉnh Tây Ninh.
- Chi nhánh Đồng Tháp - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0024	Số 425A, Quốc lộ 30, Tổ 13, Ấp An Định, Xã An Bình, Huyện Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
- Chi nhánh Cà Mau - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0026	Thửa đất số 31, Khu A3, Đường Số 01, Phường 1, TP Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Chi nhánh Ninh Thuận - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0028	Số 03, Đường Lê Duẩn, KP3, P.Đài Sơn, TP Nha Trang - Tháp chàm, Tỉnh Ninh Thuận, VN.
- Chi nhánh Trà Vinh - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0029	Áp Chợ, Xã Phương Thạnh, Huyện Càng Long, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.
- Chi nhánh Bạc Liêu - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0027	Số 41 Nguyễn Thái Học, Khóm 10, Phường 1, TP Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu
- Chi nhánh Long An - Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn. Mã số chi nhánh: 0307526635-0030	Áp Đồng Tâm. Xã Long Trạch, huyện Cần Đước, Tỉnh Long An, Việt Nam.

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm cấu kiện kim loại, thùng bê chứa và dụng cụ chứa bằng kim loại.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 Công ty có 283 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 308 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm/kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty dưới 12 tháng, Công ty chủ yếu sản xuất các sản phẩm trong tháng tính giá thành vào cuối tháng và kinh doanh hàng hóa công nghiệp. Sản phẩm và hàng hóa được bán trực tiếp tại kho Công ty hoặc chuyển về các chi nhánh để bán theo các đơn đặt hàng từ phòng kinh doanh.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền). Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3. Hàng tồn kho

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Tỷ lệ</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07

6. Tài sản cố định thuê tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

7. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty được ghi nhận theo nguyên giá bao gồm nhà và quyền sử dụng đất.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao từ 42 đến 47 năm theo thời gian giao đất.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm/kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

12. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

13. Chi phí trả trước

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm

Chi phí xây dựng các showroom, chi phí sửa chữa tài sản, chi phí bảo hiểm tài sản

Được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí quảng cáo, thuê nhà

Chi phí quảng cáo thuê nhà được phân bổ theo thời hạn quy định trên hợp đồng quảng cáo và hợp đồng thuê nhà.

14. Chi phí phải trả:

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

15. Vay và nợ phải trả thuê tài chính:

CHÍNH SÁCH M.S.D

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản vay, nợ thuê tài chính của Công ty.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

Mục đích

- Quỹ đầu tư phát triển: Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty. Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

Các quỹ được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Giá vốn hàng bán:

Phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ.

22. Chi phí tài chính:

Phản ánh những chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động tài chính, chi phí đi vay vốn, dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ tỷ giá hối đoái.

23. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp:

Phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ và chi phí quản lý chung của doanh nghiệp.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh trong giai đoạn từ ngày 01/10/2018 đến ngày 31/12/2018 được Công ty trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	7,165,899,404	3,856,907,309
Tiền gửi ngân hàng	17,425,061,531	34,385,260,948
Các khoản tương đương tiền	5,230,000,000	
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	5,230,000,000	
Cộng	29,820,960,935	38,242,168,257

2. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá Gốc	Dự Phòng	Giá Gốc	Dự Phòng
+ Đầu tư tài chính ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng NH Techcombank				
Cộng				

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH MTV Quốc Tế Sơn Hà Chu Lai		
- Công Ty TNHH Thương Mại và Sản Xuất Kim Thanh Long	1,441,595,414	1,153,582,511
- Công ty TNHH TM DV Đại Phong Phú	822,711,533	822,711,533

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

-Bình Dương – ĐL Quý Sơn Hà	888,395,216	938,373,216
-Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	10,398,414,402	13,917,409,009
-Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Kim Loại VINA	47,649,583,148	28,314,181,000
-Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Sơn Hà	2,565,523,125	3,273,312,676
Cty TNHH TMDV và PT Hưng Thịnh	45,173,447,685	11,057,507,472
Cty TNHH TM&DV tổng hợp Sao Phương Nam	5,312,777,177	10,112,777,177
Cty TNHH KD tổng hợp Trần Gia Phát		11,616,906,415
-Công ty TNHH cơ khí xây dựng Minh Ngọc Dương	9,492,598,641	
- Các Khách hàng khác	89,156,181,011	69,969,509,843
Cộng	212,901,227,352	151,176,270,852
Phải thu khách hàng là các bên liên quan:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
-Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	10,398,414,402	13,917,409,009
-Công Ty Cổ Phần Quốc Tế Sơn Hà	2,565,523,125	3,273,312,676
Cộng	12,963,937,527	17,190,721,685
4. Các khoản phải thu khác		
Ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu người lao động	2,028,491,186	1,897,027,528
- Ký cược, ký quỹ	44,502,112	43,400,000
- Bảo hiểm xã hội	130,427,719	121,019,849
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	55,042,784	233,299,819
Cộng	2,258,463,801	2,294,747,196
Dài hạn		
- Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	173,460,684	657,435,043
Cộng	173,460,684	657,435,043
Tổng Cộng	2,431,924,485	2,952,182,239
5. Nợ xấu		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ gốc	Giá trị có thể thu hồi	Nợ gốc
	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH TM DV Đại Phong Phú	822,711,533	822,711,533
Bình Dương – ĐL Quý Sơn Hà	938,373,216	888,395,216
Cộng	1,761,084,749	1,711,106,749
6. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	4,160,459,812	40,718,408,252
Nguyên liệu, vật liệu	107,884,893,893	85,872,972,438

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ	187,829,477	167,299,542
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	14,799,679,715	9,041,976,931
Thành phẩm	48,680,465,770	39,168,629,836
Hàng hóa	113,399,549,912	99,093,690,048
Cộng	289,112,878,579	274,062,977,047

7. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hàng hóa		
Cộng		

8. Chi phí trả trước

Ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí trả trước về thuê kho	449,793,330	978,323,754
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	247,833,353	912,291,516
- Các khoản khác	308,242,583	383,511,622
Cộng	1,005,869,266	2,274,126,892

Dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí công cụ dụng cụ	387,793,278	1,303,766,475
- Chi phí sửa chữa	40,277,777	65,388,748
- Chi phí mua bảo hiểm	28,135,206	46,825,182
- Tiền thuê đất tại Quảng Nam		1,000,000,000
- Các khoản khác	2,302,374,530	3,144,044,988
Cộng	2,758,580,791	5,560,025,393

Tổng cộng

	3,764,450,057	7,834,152,285
--	----------------------	----------------------

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	45,325,842,259	27,691,591,343	41,240,147,714	5,100,002,368		119,357,583,684
Tăng trong năm	15,660,821,818	5,511,331,007	11,714,211,512	1,167,150,933		34,053,515,270
- Mua sắm mới		1,318,425,985	2,087,223,227	1,167,150,933		4,572,800,145
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	15,660,821,818					15,660,821,818
- Chuyển từ tài sản thuê tài chính sang		4,192,905,022	9,626,988,285			13,819,893,307
Giảm trong năm		291,211,200	1,703,987,793			1,995,198,993
- Chuyển sang bất động sản đầu tư		291,211,200	1,703,987,793			1,995,198,993
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác (ghi cụ thể)						

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số cuối kỳ	60,986,664,077	32,911,711,150	51,250,371,433	6,267,153,301	151,415,899,961
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	8,816,018,094	16,764,937,353	11,064,856,390	2,360,933,877	39,006,745,714
Tăng trong năm	2,458,625,937	5,225,910,336	7,754,367,197	866,270,298	16,305,173,768
- Khấu hao trong năm	2,458,625,937	5,225,910,336	4,147,072,083	866,270,298	12,697,878,654
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính			3,607,295,114		3,607,295,114
Giảm trong năm		17,334,000	895,954,016		913,288,016
- Chuyển sang bất động sản đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán		17,334,000	895,954,016		913,288,016
- Giảm khác (ghi cụ thể)					
Số cuối kỳ	11,274,644,031	21,973,513,689	17,923,269,571	3,227,204,175	54,398,631,466
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	36,509,824,165	10,926,653,990	30,175,291,324	2,739,068,491	80,350,837,970
Số cuối kỳ	49,712,020,046	10,938,197,461	33,327,101,862	3,039,949,126	97,017,268,495

10 Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	4,185,905,022	9,610,988,285			13,796,893,307
Tăng trong năm					
- Thuê tài chính trong năm					
- Tăng khác (ghi cụ thể)					
Giảm trong năm	4,185,905,022	9,610,988,285			13,796,893,307
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	4,185,905,022	9,610,988,285			13,796,893,307
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính					
- Giảm khác (ghi cụ thể)					
Số cuối kỳ					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	1,594,630,495	2,779,720,124			4,374,350,619

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tăng trong năm	167,463,462	740,414,425	907,877,887
- Khấu hao trong năm	167,463,462	740,414,425	907,877,887
- Tăng khác (ghi cụ thể)			
Giảm trong năm	1,762,093,957	3,520,134,549	5,282,228,506
- Mua lại TSCĐ thuê tài chính	1,762,093,957	3,520,134,549	5,282,228,506
- Trả lại TSCĐ thuê tài chính			
- Giảm khác (ghi cụ thể)			

Số cuối kỳ

Giá trị còn lại

Số đầu năm	2,591,274,527	6,831,268,161	9,422,542,688
------------	---------------	---------------	---------------

Số cuối kỳ

11 Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy vi tính	...	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	50,612,725,444			519,732,000		51,132,457,444
Tăng trong năm	3,448,350,000					3,448,350,000
- Mua trong năm	3,448,350,000					3,448,350,000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành						
- Nhà nước cấp						
- Tăng khác (ghi cụ thể)						
Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Hoàn trả cho Nhà nước						
- Giảm khác (ghi cụ thể)						
Số cuối kỳ	54,061,075,444			519,732,000		54,580,807,444

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	6,338,327,782	294,770,223	6,633,098,005
Tăng trong năm	1,118,440,102	112,501,965	1,230,942,067
- Khấu hao trong năm	1,118,440,102	112,501,965	1,230,942,067
- Tăng khác (ghi cụ thể)			
Giảm trong năm			
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác (ghi cụ thể)			

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số cuối kỳ	<u>7,456,767,884</u>	<u>407,272,188</u>	<u>7,864,040,072</u>
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	44,274,397,662	224,961,777	44,499,359,439
Số cuối kỳ	<u>46,604,307,560</u>	<u>112,459,812</u>	<u>46,716,767,372</u>

12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
- Quyền sử dụng đất	31,076,093,700				31,076,093,700
- XDCB dở dang	17,462,544,434		2,837,089,888		14,625,454,546
	<u>48,538,638,134</u>		<u>2,837,089,888</u>		<u>45,701,548,246</u>

13 Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty TNHH Posco VST	12,128,217,710	14,852,041,528
- Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	378,222,234	846,096,453
- Cty CP Phát Triển Năng Lượng Sơn Hà	8,239,313,173	5,435,666,923
- Cty CP Toàn Thắng		3,756,350,581
- Cty TNHH MTV Sơn Hà SSP Việt Nam	2,760,285,531	15,211,400,004
- Công ty TNHH MTV Thiết Bị Nhà bếp Sơn Hà	2,040,971,977	743,882,000
- Các đối tượng khác	2,899,947,367	2,554,721,349
Cộng	<u>28,446,957,992</u>	<u>43,400,158,838</u>

14 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế và các khoản phải nộp	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	495,397,808	4,900,237,633	4,923,489,202	472,146,239
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,203,411,194	4,534,519,380	4,219,326,730	1,518,603,844
Thuế thu nhập cá nhân	38,590,453	1,632,850,122	1,652,010,528	19,430,047
Cộng	<u>1,737,399,455</u>	<u>11,067,607,135</u>	<u>10,794,826,460</u>	<u>2,010,180,130</u>

15 Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí trích trước hàng khuyến mãi	931,826,331	1,210,524,174
- Chi phí công tác, xăng dầu, khác	1,214,940,646	2,781,873,333
- Chi phí lãi vay phải trả	300,625,446	276,683,941
Cộng	<u>2,447,392,423</u>	<u>4,269,081,448</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16	Các khoản phải trả khác						
	Ngắn hạn			Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Cổ tức, lợi nhuận phải trả						
	Phải trả về cổ phần hóa						
	Kinh phí công đoàn			44,806,465		62,664,001	
	Tài sản thừa chờ giải quyết			27,534,784		36,079,440	
	Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn					37,400,000	
	Phải trả, phải nộp khác			138,613,114		285,185,549	
	Cộng			210,954,363		421,328,990	
	Dài hạn						
	Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn			284,638,000		263,238,000	
	Cộng			284,638,000		263,238,000	
	Tổng Cộng			495,592,363		684,566,990	
17	Quỹ khen thưởng, phúc lợi						
		Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Giảm khác	Số cuối kỳ
	Quỹ khen thưởng	1,008,154,287	355,278,900				1,363,433,187
	Quỹ phúc lợi						
	Cộng	1,008,154,287	355,278,900				1,363,433,187

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

18. Vay và nợ thuế tài chính

Nội dung	Cuối kỳ		Trong kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD Phan Văn	320,598,959,726	320,598,959,726	673,743,915,012	616,292,579,319	263,147,624,033	263,147,624,033
- Ngân hàng và đầu tư phát triển Việt Nam - CN	318,662,367,734	318,662,367,734	669,817,079,624	603,335,822,406	252,181,110,516	252,181,110,516
Hóc Môn	95,496,375,971	95,496,375,971	196,132,688,634	186,941,543,642	86,305,230,979	86,305,230,979
	46,848,072,779	46,848,072,779	87,628,802,034	40,780,729,255	-	-
- Ngân hàng TCMP Ngoại thương Việt Nam- Chi nh	87,294,490,260	87,294,490,260	177,259,542,302	155,388,588,182	65,423,536,140	65,423,536,140
- Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Tha	-	-	29,073,796,775	58,083,575,303	29,009,778,528	29,009,778,528
Vay NH Công thương VN-CN Quảng Nam (*)	89,023,428,724	89,023,428,724	179,722,249,879	162,141,386,024	71,442,564,869	71,442,564,869
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	1,936,591,992	1,936,591,992	3,620,293,344	10,338,355,340	8,654,653,988	8,654,653,988
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi	832,800,000	832,800,000	832,800,000	954,800,000	954,800,000	954,800,000
nhánh Kỳ Đông (5)						
	268,399,992	268,399,992	1,711,774,992	2,674,024,992	1,230,649,992	1,230,649,992
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (6)						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD	835,392,000	835,392,000	1,075,718,352	2,050,514,352	1,810,188,000	1,810,188,000
Vay NH Công thương VN-CN Quảng Nam (*)	-	-	-	4,659,015,996	4,659,015,996	4,659,015,996
Nợ thuế tài chính	(0)	(0)	306,542,044	2,618,401,573	2,311,859,529	2,311,859,529
Nợ dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	(0)	(0)	306,542,044	2,618,401,573	2,311,859,529	2,311,859,529
b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	21,579,785,767	21,579,785,767	13,851,255,185	3,944,722,392	11,673,252,974	11,673,252,974
Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	21,579,785,767	21,579,785,767	13,851,255,185	3,594,853,176	11,323,383,758	11,323,383,758
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nh	1,034,400,000	1,034,400,000	-	832,800,000	1,867,200,000	1,867,200,000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á (6)	178,933,768	178,933,768	-	1,711,774,992	1,890,708,760	1,890,708,760
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - PGD	3,073,190,000	3,073,190,000	52,255,184	1,050,278,184	4,071,213,000	4,071,213,000
Vay NH Công thương VN-CN Quảng Nam (*)	17,293,261,999	17,293,261,999	13,799,000,001	-	3,494,261,998	3,494,261,998
Nợ thuế tài chính (7)	-	-	-	349,869,216	349,869,216	349,869,216
Nợ dài hạn (thời hạn trên 1 năm)	-	-	-	349,869,216	349,869,216	349,869,216
	342,178,745,493	342,178,745,493	687,595,170,197	620,237,301,711	274,820,877,007	274,820,877,007

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19 Vốn chủ sở hữu

19.a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	201,600,000,000	3,592,582,827	(227,272,727)	59,695,980,763	264,661,290,863
Lãi trong năm trước				35,527,890,013	35,527,890,013
Tăng vốn trong kỳ	74,192,000,000				74,192,000,000
Trích các quỹ trong năm		2,451,698,901		(2,451,698,901)	
Quyền chọn đổi trái phiếu			227,272,727		227,272,727
Chia cổ tức 2016 phát hành 12% Cổ Phiếu				(24,192,000,000)	(24,192,000,000)
+ Trích lập trả cổ tức 2016 bằng tiền mặt 3%				(6,048,000,000)	(6,048,000,000)
+ Trích lập quỹ khen				(408,616,483)	(408,616,483)
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và BKS 2016				(276,000,000)	(276,000,000)
+ Thặng dư vốn cổ phần			(250,000,000)		(250,000,000)
Số dư cuối năm trước	275,792,000,000	6,044,281,728	(250,000,000)	61,847,555,392	343,433,837,120
Số đầu năm Nay	275,792,000,000	6,044,281,728	(250,000,000)	61,847,555,392	343,433,837,120
Tăng vốn trong kỳ				36,014,015,126	36,014,015,126
Lãi trong kỳ				(30,342,152,301)	(28,210,478,900)
Phân phối lợi nhuận trong kỳ		2,131,673,401		(30,342,152,301)	(28,210,478,900)
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển		2,131,673,401		(2,131,673,401)	
Quyền chọn đổi trái phiếu					
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi				(355,278,900)	(355,278,900)
+ Chia cổ tức 2017				(27,579,200,000)	(27,579,200,000)
+ Tiền thù lao Hội đồng quản trị và BKS 2017				(276,000,000)	(276,000,000)
Số dư cuối kỳ	275,792,000,000	8,175,955,129	(250,000,000)	67,519,418,217	351,237,373,346

19.b Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27,579,200	20,160,000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	27,579,200	20,160,000
- Cổ phiếu phổ thông	27,579,200	20,160,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27,579,200	20,160,000
- Cổ phiếu phổ thông	27,579,200	20,160,000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu (VND/ Cổ Phiếu)	10,000	10,000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tổng doanh thu	248,555,517,229	272,867,675,946
- Doanh thu bán hàng hóa	176,389,670,442	117,428,100,311
- Doanh thu bán thành phẩm	72,165,846,787	155,438,683,817
Các khoản giảm trừ doanh thu:	6,133,452,449	6,824,762,425
- Chiết khấu thương mại	3,931,576,438	5,558,874,501
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại	2,201,876,011	1,265,887,924
Doanh thu thuần	<u><u>242,422,064,780</u></u>	<u><u>266,042,913,521</u></u>

2 Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	149,770,134,146	98,242,108,663
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp ⁽ⁱ⁾	54,061,059,369	129,345,981,258
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1,818,181	2,590,909
Cộng	<u><u>203,833,011,696</u></u>	<u><u>227,590,680,830</u></u>

3 Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	19,436,702	27,235,558
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		35,170,968
Doanh thu hoạt động tài chính khác	807,480,000	1,965,876,779
...		
Cộng	<u><u>826,916,702</u></u>	<u><u>2,028,283,305</u></u>

4 Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí lãi vay	5,868,594,941	5,945,401,310
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	117,205,871	63,360,752
Chi phí tài chính khác	52,849,963	61,548,949
Cộng	<u><u>6,038,650,775</u></u>	<u><u>6,096,977,677</u></u>

5 Chi phí bán hàng

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN SƠN HÀ SÀI GÒN

Địa chỉ: 292/5 Ấp Tam Đông 2, Xã Thới Tam Thôn, Huyện Hóc Môn, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho Quý IV năm tài chính 2018, kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên	8,016,597,602	7,910,005,987
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	894,289,998	344,167,752
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,808,654,668	1,892,298,173
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,508,893,411	2,334,582,766
Chi phí bằng tiền khác	1,933,100,244	2,324,952,703
Cộng	<u>15,161,535,923</u>	<u>14,806,007,381</u>

6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	1,800,222,250	1,705,401,629
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	57,177,485	106,754,613
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,869,660,279	2,048,215,886
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,005,644,506	895,876,292
Chi phí bằng tiền khác	684,736,520	1,336,072,998
Cộng	<u>5,417,441,040</u>	<u>6,092,321,418</u>

7 Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Thu nhập cho thuê tài sản	39,860,970	39,860,970
Thu nhập khác	505,691,826	283,727,984
Cộng	<u>545,552,796</u>	<u>323,588,954</u>

8 Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí khấu hao tài sản cho thuê		39,805,902
Chi phí khác	158,014,895	50,919,527
Cộng	<u>158,014,895</u>	<u>90,725,429</u>

9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty TNHH MTV Công nghiệp Sơn Hà	Công ty con của Công ty TNHH MTV Quốc tế sơn hà Chu Lai
- Công ty TNHH MTV Quốc tế sơn hà Chu Lai	Công ty con
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Thương Mại Tổng Hợp Sơn Hà	Cùng Chủ Tịch HĐQT

